

QUAN NIỆM NGHỆ THUẬT VỀ CON NGƯỜI TRONG TIỂU THUYẾT CỦA MỘT SỐ NHÀ VĂN NỮ HẢI NGOẠI ĐƯƠNG ĐẠI

Vũ Thị Hạnh

Khoa Báo chí - Truyền thông, Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên

Tóm tắt. Quan niệm nghệ thuật là nhận thức về thế giới, con người và nghệ thuật, phản ánh tâm trí tuệ với những nét đổi mới, độc đáo trong tư duy nghệ thuật của nhà văn. Vận dụng phương pháp tiếp cận thi pháp học để nghiên cứu quan niệm nghệ thuật về con người trong tiểu thuyết của một số nhà văn nữ hải ngoại đương đại, người viết tập trung làm rõ sự đổi mới trong việc cắt nghĩa, lí giải của các nhà văn nữ về con người nhân vị và con người cô đơn, hoài nghi. Chính sự cắt nghĩa và lí giải này đã thể hiện rõ nét một cảm quan mới về con người, phản ánh sự chuyển biến quan trọng trong tư duy nghệ thuật của các nhà văn nữ.

Từ khóa: Quan niệm nghệ thuật, tiểu thuyết, con người nhân vị, chủ nghĩa hiện sinh, nhà văn nữ.

1. Mở đầu

Con người là đối tượng trung tâm, là hạt nhân cốt lõi của đời sống văn chương nên vấn đề quan niệm nghệ thuật về con người cũng được đặt ra không chỉ với phê bình, lí luận mà còn với cả thực tiễn sáng tác. Tính đến nay, lịch sử nghiên cứu quan niệm nghệ thuật về con người đã tương đối dày dặn. Trong số đó, trước hết phải kể đến một số công trình tiêu biểu góp phần đặt nền tảng lí luận cho những nghiên cứu quan niệm nghệ thuật về con người như: *Dân luận thi pháp học* [1], *Từ điển thuật ngữ văn học* [2]. Nhìn một cách khái quát, hai công trình nghiên cứu trên đã cung cấp nền tảng lí luận quan trọng, mở đường cho những nghiên cứu quan niệm nghệ thuật về con người trong văn học.

Vấn đề quan niệm nghệ thuật về con người cũng được quan tâm nghiên cứu trong mối quan hệ với các giai đoạn, trào lưu, khuynh hướng văn học nghệ thuật hoặc tác giả/ nhóm tác giả cụ thể. Theo hướng tiếp cận này, có thể kể đến một số công trình nghiên cứu tiêu biểu như: *Về con người cá nhân trong văn học cổ Việt Nam* [3]; *Thi pháp văn học trung đại Việt Nam* [4]; *Sự tương đồng trong quan niệm nghệ thuật về con người giữa khuynh hướng văn xuôi lãng mạn và văn xuôi hiện thực 1930 – 1945* [5]; *Con người trong truyện ngắn Việt Nam 1945 – 1975* [6]; *Con người trong tiểu thuyết Việt Nam thời kỳ đổi mới* [7]; *Giá trị nhân văn mới – nhìn từ quan niệm nghệ thuật về con người trong tiểu thuyết Việt Nam đầu thế kỉ XXI* [8]; *Sự thay đổi quan niệm về con người qua hình tượng người lính trong một số tiểu thuyết Việt Nam đầu thời kỳ đổi mới* [9]; *Quan niệm nghệ thuật về con người trong tiểu thuyết của Tự lực văn đoàn qua ba tác giả Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo* [10]. Trong những công trình này, vấn đề con người trong văn học đều được nghiên cứu từ cấp độ quan niệm đến sự thể hiện cụ thể (qua hệ thống hình tượng nghệ thuật).

Những công trình nghiên cứu trên đây đã mở ra hướng nghiên cứu quan niệm nghệ thuật về

con người trên cả phương diện phê bình lí luận và sáng tạo. Trên cơ sở những nghiên cứu trên, bài viết này là một sự bổ khuyết cho những nghiên cứu quan niệm nghệ thuật về con người trong tiểu thuyết của một số nhà văn nữ hải ngoại đương đại.

Trong những năm gần đây, cùng với một số nhà văn trong nước, sáng tác của các nhà văn nữ hải ngoại (tiêu biểu là Đoàn Minh Phượng, Thuận, Lê Ngọc Mai, Lê Minh Hà, Phan Việt) đã ghi nhận sự đổi mới nhất định trong quan niệm nghệ thuật về con người. Thông qua những sáng tác của mình (Đoàn Minh Phượng (*Và khi tro bụi, Mưa ở kiếp sau*), Lê Ngọc Mai (*Tìm trong nỗi nhớ, Trên đỉnh dốc*), Lê Minh Hà (*Gió tự thời khuất mặt, Phố vẫn gió*), Thuận (*Made in Vietnam, Chinatown, Paris 11 tháng 8, T mát tích, Thang máy Sài Gòn, Chỉ còn 4 ngày là hết tháng Tư, Vân Vy, Thư gửi Mina*), Phan Việt (*Một mình ở Châu Âu, Tiếng người*)), các nhà văn đã thể hiện sự cắt nghĩa, sự lí giải mới về con người trong xã hội hiện đại. Trên tinh thần ấy, cùng với các nhà văn đại diện cho khuynh hướng cách tân trong nước (Nguyễn Khải, Nguyễn Bình Phương, Tạ Duy Anh, Nguyễn Việt Hà, Nguyễn Ngọc tư, Thùy Dương, Võ Thị Xuân Hà...), các nhà văn nữ hải ngoại đã góp phần không nhỏ trong việc thể hiện tinh thần “quyết liệt hướng tới mục đích “xé rào” thể loại tiểu thuyết, phá vỡ ranh giới của hàng loạt quan niệm mang tính định giá (...) có những bước đột phá rõ rệt về cả nội dung ý nghĩa cũng như hình thức thể hiện” [11, 296 – 297].

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Vấn đề quan niệm nghệ thuật về con người

Quan niệm nghệ thuật là vấn đề trung tâm của thi pháp học hiện đại. Trong thi pháp học hiện đại, vấn đề quan niệm nghệ thuật thuộc cấp độ nghiên cứu vĩ mô (cấp độ của những nguyên tắc nghệ thuật – thẩm mỹ lớn chi phối sáng tạo văn học và hiện diện trong văn học). “Trong các phạm trù thi pháp vĩ mô, quan niệm nghệ thuật là phạm trù có tầm quan trọng trung tâm, có tác dụng chi phối các bình diện hình thức nghệ thuật khác” [4, 25]. Ở cấp độ vĩ mô, trọng tâm nghiên cứu của thi pháp học là quan niệm nghệ thuật về hiện thực và quan niệm nghệ thuật về con người.

Ở cấp độ hiện thực (tương quan giữa nhà văn với hiện thực, con người), “quan niệm nghệ thuật về con người là nguyên tắc lí giải, cảm thụ của chủ thể sáng tác” [1, 55]. Ở cấp độ hư cấu (sự thể hiện của quan niệm nghệ thuật về con người trong tác phẩm), “quan niệm nghệ thuật về con người là sự lí giải, cắt nghĩa, sự cảm thấy con người đã được hóa thân thành các nguyên tắc, phương tiện, biện pháp hình thức thể hiện con người trong văn học, tạo nên giá trị nghệ thuật và thẩm mỹ cho các hình tượng nhân vật trong đó” [1, 55].

Khi đề cập đến ý nghĩa của quan niệm nghệ thuật về con người, nhà nghiên cứu Trần Đình Sử đã khẳng định: “Quan niệm nghệ thuật về con người của nhà văn không phải là bất cứ cách cắt nghĩa, lí giải nào về con người mà là cách cắt nghĩa có tính phổ quát, tốt cùng mang ý vị triết học, nó thể hiện cái giới hạn tối đa trong việc miêu tả con người” [1, 59]. Điều này cho thấy: đổi mới quan niệm nghệ thuật về con người, nói cách khác - đổi mới cách giải thích và cảm nhận con người là yếu tố mang lại cho văn học sự đổi thay căn bản và đó là những nền tảng quan trọng tạo tiền đề cho những cách tân, đổi mới trong văn học.

2.2. Quan niệm nghệ thuật về con người trong tiểu thuyết của một số nhà văn nữ hải ngoại đương đại

Nhìn một cách tổng thể, quan niệm nghệ thuật về con người trong tiểu thuyết của một số nhà văn nữ hải ngoại đương đại được thể hiện cụ thể qua hai nét chính:

2.2.1. Con người nhân vị - bí ẩn và đa diện

Con người nhân vị là một trong những vấn đề trung tâm của triết học hiện sinh. Nếu như ở

chủ nghĩa duy lí, vượt lên trên những khác biệt cá nhân, con người thường mang tính phổ quát, phản ánh bản chất chung cho tất cả mọi người thì ở chủ nghĩa hiện sinh, với quan niệm con người như một nhân vị lại thể hiện sự ưu tiên đặc biệt đến con người cá nhân – cá thể người với bản tính riêng, đơn biệt: “nhân vị của con người chính là hiện sinh của nó mang bộ mặt riêng biệt, đặc thù xa lạ với mọi tính cách phổ quát. Hiện sinh là một tư chất, một đặc ân dành riêng cho con người – “hữu thể - người”, bởi vì chỉ có con người mới tự do lựa chọn cách thức, thái độ sống, tức có ý thức để thành hiện sinh” [12, 80]. Để con người là một nhân vị mang một gương mặt riêng biệt, con người ấy phải đại diện cho cái thân xác là nó và có một đời sống tâm hồn (tâm lí, tâm linh) riêng. Bởi “chỉ có đời sống tâm linh ấy mới làm cho tôi thành nhân vị, tôi mới có thân xác, làm cho tôi cảm nghĩ khác người” [12, 80]. Vì thế, quan niệm con người như một nhân vị đã thể hiện sự quan tâm đến các vấn đề thuộc về hiện sinh (thực tại tồn tại mang tính đơn biệt, coi trọng trực giác, tâm linh, vô thức và những vấn đề liên quan đến bản thể, thân xác, sự tự do hiện sinh, sự tự nhận thức về mình, tự khẳng định mình với tất cả những đặc hữu chủ quan...).

Ở những mức độ khác nhau, ý thức về con người nhân vị đã phần nào được thể hiện trong sáng tác của các nhà văn nữ hải ngoại. Đó chính là sự cắt nghĩa, lí giải về con người trong tính cá nhân riêng lẻ, đại diện cho cái tôi bản thể đầy bí ẩn, đa diện của chính mình. Quan niệm này được thể hiện ở hai cấp độ: cấp độ hiện thực và hư cấu.

Ở cấp độ hiện thực, quan niệm về con người nhân vị - bí ẩn, đa diện được thể hiện thông qua những phát ngôn góp phần xác lập quan niệm nghệ thuật về con người của các nhà văn. Đó là cách nhìn nhận “Mỗi con người có một lịch sử cuộc đời riêng. Lịch sử đó tạo nên kỉ niệm, kinh nghiệm và quan niệm cá nhân của họ” [13] của Đoàn Minh Phượng hay “Mỗi một người là một thế giới, một miền tâm cảm, không ai có thể thay thế được cho ai” [14, 176] của Lê Minh Hà... “Lịch sử cuộc đời”, “một thế giới, một miền tâm cảm” của mỗi người chứa đựng hiện sinh của con người ấy – đó là những “miền tâm cảm không ai có thể thay thế được cho ai” - là sự tồn tại của cả thân xác và tâm hồn, của suy tư, nếm trải, của những nỗi niềm trắc ẩn, sự thua thiệt, mất mát, những kinh nghiệm, ham muốn, hy vọng... Quan niệm này đã hướng đến sự nhận thức, lí giải về con người trong chiều sâu bản thể. Con người ấy không còn là cái bóng đại diện cho lịch sử, cho cộng đồng mà đại diện cho cái riêng biệt là nó – cái riêng biệt có khi xa lạ với cộng đồng.

Ở cấp độ hư cấu, quan niệm con người nhân vị - bí ẩn, đa diện được thể hiện sâu sắc qua kiểu nhân vật kiếm tìm, tự ý thức về bản thể. Để thấy rõ tinh thần hiện sinh ấy, các nhà văn nữ hải ngoại đã đặt nhân vật trong những cuộc kiếm tìm nhằm khám phá bản thể cũng như ý nghĩa của sự tồn tại. Những câu hỏi truy nguyên về nguồn gốc như “Chúng ta là ai?”, “Chúng ta từ đâu đến?”, “Chúng ta đi đâu?”, “Chúng ta về đâu?” đã trở thành xuất phát điểm thúc đẩy nhân vật tìm kiếm để thấy được bản ngã đích thực của mình.

Cuộc kiếm tìm bản thể được thể hiện sâu sắc trong *Và khi tro bụi*. Đó là cuộc kiếm tìm cái tôi bản thể và nguồn cội của một cô gái trẻ An Mi. Với chồng chất mất mát trong cuộc đời, An Mi thấy mình tồn tại chông chênh giữa một bản thể vỡ vụn, rời rạc. Cô thấy mình như một hạt cỏ lơ lửng trong không trung không thể tìm được nơi bầu vùi. Cô đã quyết định chọn cho mình cái chết để kết thúc cuộc đời. Nhưng trước khi chết, cô khao khát muốn biết nguồn cội của mình để được chết trong sự rõ ràng của bản thể. Cô cho mình ba tháng – “Trong ba tháng tôi sẽ nhạt nhòa lại mình. Cái chết là một dấu chấm hết. Dấu chấm hết nào cũng muốn mang ý nghĩa của cái câu đi trước nó. Tôi muốn biết mình là ai để ngày tôi chết tôi biết rằng ai đã chết” [15, 13]. Kết thúc tiểu thuyết, khi An Mi tìm lại được nguồn cội của mình thì đó cũng là lúc nhân vật tha thiết được sống: “Tôi không thể chết, ngàn lần không muốn chết. Xin cho tôi sống... Cho tôi được sống những ngày và những đêm của mình, chứ không sống bằng thời gian và trí nhớ của người khác...” [15, 185].

Tiếp nối *Và khi tro bụi*, *Mưa ở kiếp sau* là sự “nối dài” những kiếm tìm bản thể của các nhân vật. Khi không có quê hương, Mai thấy mình không còn là một nguyên tử trọn vẹn nữa mà

đã bị đập tan ra thành những mảnh vỡ. “Khi bị đập tan, những mảnh vỡ không còn là những mảnh vỡ của nguyên tử đó, chúng không còn là mình, cũng không thể biến mất đi; chúng thay đổi khi cái nhân đã vỡ. Tôi sẽ không còn biết mình là ai?” [16, 245]. Chính vì thế, Mai quyết định đi tìm: đi tìm những mảnh vỡ của đời mình để ghép lại, để cô được sống trong sự trọn vẹn của bản thể, để biết được “mình là ai?”

Cùng với Đoàn Minh Phượng, nhà văn Thuận cũng thường đặt nhân vật trong những cuộc tìm kiếm bản thể. Cuộc tìm kiếm bản thể không chỉ là hành trình tìm về nguồn cội để biết mình từ đâu đến mà đó còn là hành trình tìm kiếm tình yêu, những xúc cảm thân xác để biết được mình là ai và được sống là mình. Trong *T mát tích*, đó là cuộc trốn chạy hiện tại của T để tìm kiếm chính mình giữa một thế giới cô đơn, xa lạ. Trong *Chinatown*, đó là người đàn bà đã nhiều lần “gõ cửa” Freud để tìm lời giải đáp cho những giấc mơ cũng như những câu hỏi đầy ám ảnh và day dứt của mình trong hiện tại. Đó là Vân và Vy (trong *Vân Vy*) trốn chạy cuộc sống gia đình hiện tại đi vào cuộc tìm kiếm trong tình yêu để được sống thực chất với tất cả những đam mê và ham muốn của mình. Trong *Chỉ còn 4 ngày là hết tháng Tư*, đó là người phụ nữ “rất thích các cuộc tìm kiếm, luôn bị kích động trước các cuộc tìm kiếm, mọi cuộc tìm kiếm đều thú vị, không quan trọng là bởi cô hay người khác” [17, 74].

Cùng với những sáng tác kể trên, tiểu thuyết của Lê Ngọc Mai (*Tìm trong nỗi nhớ*) và Lê Minh Hà (*Gió tự thời khuất mặt, Phố vẫn gió*) cũng đặt nhân vật vào hành trình tìm kiếm giữa một Hà Nội xưa và nay với biết bao cuộc đời, số phận từ quá khứ đến hiện tại. Cứ thế, những cuộc tìm kiếm ấy diễn ra trong chiều dài nỗi nhớ, chiều sâu im lặng, là những cuộc tìm kiếm bởi linh cảm, tri giác với những ám ảnh, day dứt, bất an, băn khoăn, mộng mị. Thậm chí, đó còn là cuộc tìm kiếm trong tĩnh lặng, giữa mơ và tỉnh, sống và chết bởi chỉ khi “tro bụi rơi về”, nhân vật mới “tìm thấy” nguồn cội và bản thể của chính mình.

Thông qua cuộc tìm kiếm bản thể, các nhân vật thể hiện được sự thức nhận bản ngã của chính mình. Khi cái ngã ấy mất đi, con người chỉ còn sống như những mảnh vỡ riêng lẻ, chênh vênh, khó bầu vịu vào thực tại. Với cuộc tìm kiếm này, các nhân vật đã đi xa hơn trong hành trình khám phá để hướng đến sự tìm kiếm chân thực thuần khiết bên trong của cái tôi, của tình yêu và những xúc cảm thân xác.... Điều này đã giúp tiểu thuyết phản ánh sâu sắc hơn những khát khao của con người về một sự tồn tại đích thực, sự bình yên trong cuộc sống, sự thăng hoa trong tình yêu hay sự đồng điệu giữa bản thể và tha nhân nơi những con người xa xứ.

Đặc biệt, khi ý thức được nhân vị độc đáo của mình, các nhân vật trong tiểu thuyết của các nhà văn nữ hải ngoại thường băn khoăn trong những câu hỏi mang tính bản thể luận như: *Tôi là ai? Tôi được sinh ra từ đâu? Sống/ chết là gì? Ý nghĩa của sự tồn tại là gì?* Và tất nhiên, lời đáp cho những câu hỏi trên không nhằm mục đích xác lập cái tôi với một bản thể phổ quát mà là một cái tôi bản thể riêng biệt, không trùng lặp, “là sản phẩm của những va đập/ nghiệm sinh chỉ một lần duy nhất” [18, 58].

Những câu hỏi mang tinh thần hiện sinh trên có mối tương quan nhất định với tâm thế con người xa xứ. Vì thế, trong sáng tác của các nhà văn nữ hải ngoại, những câu hỏi đó không chỉ nhằm xác lập nhân vị độc đáo của con người mà còn thể hiện những trải nghiệm thấm thía của con người tha hương. Bởi vậy, so với các nhà văn trong nước, những câu hỏi ấy thường trực hơn, da diết hơn, khắc khoải hơn trong sáng tác của các nhà văn xa xứ. Nó thể hiện những ám ảnh, day dứt của nhà văn về nguồn cội, quê hương, xứ sở nơi mình sinh ra nhưng không còn thuộc về cũng như khắc sâu trạng thái chênh vênh khi con người ý thức được mình không phải là trung tâm của một nền văn hóa nào.

2.2.2. Con người vô cảm, cô đơn, hoài nghi

Bên cạnh quan niệm về con người nhân vị, nổi bật trong sáng tác của các nhà văn nữ hải ngoại còn là quan niệm về con người vô cảm, cô đơn, hoài nghi. Thực ra, quan niệm về con người cô đơn, con người vô cảm đã phân nào được thể hiện trong sáng tác của một số nhà văn

trong nước (Tạ Duy Anh, Nguyễn Bình Phương, Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Ngọc Tư, Trâm Hương, Bích Ngân...) nhưng trong tương quan so sánh, tiểu thuyết của các nhà văn nữ hải ngoại đã thể hiện sự lí giải, cắt nghĩa về con người vô cảm, cô đơn, hoài nghi ở tầm khái quát, mang dấu ấn tư tưởng riêng.

Bằng sự tinh tế và nhạy cảm, bằng những trải nghiệm thấm thía khi trực tiếp sống trong lòng xã hội phương Tây hiện đại, các nhà văn nữ xa xứ đã nhìn thấu tình trạng con người đang bị bào mòn nhân vị và rơi vào trạng thái tha hóa, vô cảm. Xã hội kỹ trị phương Tây đã mang lại những thành tựu to lớn về phương tiện kỹ thuật hiện đại nhưng cũng chứa đựng không ít sự khủng hoảng, hạn chế. Cái giá mà con người phải đánh đổi đó chính là sự suy đồi về mặt tinh thần. F. Fromm đã nói về con người trong nền văn minh kỹ trị như sau: “Vấn đề của thế kỉ XIX là “Chúa đã chết” (như Nietzsche đã nói), vấn đề của thế kỉ XX là con người đã chết. Ở thế kỉ XIX sự tàn bạo chống lại con người, ở thế kỉ XX là sự tha hóa có tính nô lệ, trong tương lai con người có nguy cơ trở thành thân kinh phân liệt. Trong quá khứ, tai họa là ở chỗ con người trở thành nô lệ, trong tương lai con người có nguy cơ trở thành rô bốt. Con người không còn là con người mà biến thành cái máy không tư duy, không tình cảm. Con người bị máy móc hóa, tự động hóa, trở thành một yếu tố đơn giản của khoa học kỹ thuật nên đánh mất hết mọi đức tính của riêng mình và không tồn tại như một nhân vị, một cá nhân nữa” [12, 9]. “Biến thành cái máy”, con người bị tước mất đời sống tinh thần, vì thế, chỉ còn tồn tại như một lực lượng vật chất không tư duy, không tình cảm – trở nên vô cảm, lạc lõng giữa cuộc đời.

Trải nghiệm thực tiễn xã hội kỹ trị của phương Tây, các nhà văn nữ xa xứ đã nhìn thấy sự vô cảm, cô đơn, lạc lõng đang ngày càng xâm lấn nhiều hơn con người trong xã hội hiện đại. Đặc biệt, từ những trải nghiệm thấm thía của các nhà văn xa xứ, vấn đề con người vô cảm, cô đơn không chỉ được đề cập đến với tư cách là hệ quả của một xã hội kỹ trị mà nó còn là vấn đề liên quan chặt chẽ đến nguồn gốc, cội nguồn khi những con người xa xứ lâm vào tình cảnh éo le - bị cắt lia với lịch sử và nguồn cội nhưng cũng chỉ là “ngoại biên” nơi mình đang sống. Nhà văn nữ Đoàn Minh Phượng nhận xét: “Xã hội càng phát triển, nghĩa là càng được tổ chức, con người càng sống xa quê hương mình. Bạn không cần đến sống ở New York hay Matxcova để trở thành người xa xứ. Bạn có thể là người xa xứ ngay trên thành phố mình sinh ra (...). Tổ chức đời sống ở thành phố, trong siêu thị đã cướp lấy những câu chuyện của chúng, cắt mất lịch sử, cắt mất mối quan hệ của chúng với mặt đất. Chúng chỉ còn là hàng hóa thuần túy.... Lâu ngày, từ một con người, tôi trở thành một kẻ tiêu thụ, một consumer vô cảm và vô ơn. Tất cả chúng ta đều trở nên nghèo nàn và buồn bã, vì ở trên một quê hương xa lạ - nơi mọi thứ đã đánh mất câu chuyện của mình” [19].

Cách nhìn về con người như những “kẻ tiêu thụ”, những “consumer vô cảm và vô ơn” đã chứa đựng trong đó một vấn đề hệ trọng của con người trong xã hội hiện đại nói chung và những thân phận tha hương nói riêng: đó là vấn đề nguồn gốc, căn cước cũng như thái độ ứng xử của con người (trở về nguồn gốc, tìm lại căn cước, coi nguồn gốc là điểm tựa hay quên đi nguồn gốc), vấn đề xa xứ (xa xứ khi tha hương hay xa xứ trên chính quê hương mình), trạng thái sống của con người trong xã hội hiện đại (nghèo nàn trong đời sống tinh thần, cô đơn, lạc lõng, lạnh lùng, vô cảm, vong thân; con người tha nhân; con người không tìm thấy ý nghĩa của tồn tại mà cô đơn, “lạc lối” trong trường đời); vấn đề con người đang đánh mất những giá trị của bản thể, bị tha hóa (đồ vật hóa, kí hiệu hóa), chênh vênh, không điểm tựa...

Và như một lẽ tất yếu, khi đánh mất nhân vị, mất đi nguồn gốc, căn cước, con người dễ lâm vào tình cảnh không hiểu được lí do cũng như ý nghĩa của tồn tại. Con người ấy hoài nghi và bất tín, trước hết là về bản thân mình. Đúng như nhà văn Thuận đã nhận xét về sự phổ biến của tình trạng đó trong đời sống: ““Tôi không hiểu được bản thân”, “Tôi không hiểu mình thích gì”, “Tôi không tự lí giải hành động của chính tôi”... đã từ lâu là những câu nói thông dụng, không còn khiến ai bị sốc” [20].

Quan niệm về con người vô cảm, cô đơn, hoài nghi không chỉ được thể hiện qua những phát ngôn trực tiếp của các nhà văn nữ hải ngoại mà còn được thể hiện một cách sâu sắc qua hệ thống nhân vật trong tiểu thuyết như: nhân vật đám đông, nhân vật tha hương, nhân vật kiếm tìm.

Trước hết, các nhà văn nữ hải ngoại đã thể hiện quan niệm về con người vô cảm, cô đơn thông qua việc xây dựng hình tượng nhân vật đám đông, đặc biệt là đám tang. Trong số các tiểu thuyết, không ít đám tang đã xuất hiện (trong *T mắt tích*, *Thang máy Sài Gòn*, *Vân Vỵ*) nhưng đó đều là những đám tang không nước mắt. Người người tham dự đám tang đều đi đi lại lại với những bộ tang phục trang trọng, ai cũng mang vẻ mặt rầu rầu, giọng nói cũng rầu rầu thương tiếc nhưng “hậu trường” lại là những bữa tiệc linh đình, thịnh soạn trong những khách sạn sang trọng với sâm banh, bánh ngọt và các món ăn đặc sản được diễn ra trong sự hoan hỉ của mọi người; là những cuộc “mây mưa” trong hoan lạc của chính đứa con của người đã khuất với nhân tình của bố (trong *T mắt tích*); là những so đo, giành giật phân chia gia sản người quá cố... Chẳng ai còn thì giờ để nhớ đến người đã khuất! Người chết cứ đóng vai người chết còn người sống cũng đóng vai người sống. Toàn bộ thế giới nhân vật hiện lên trong những bi kịch không tiếng khóc, trong sự nhạt nhẽo vô cảm không tình yêu thương. Bằng cách đặt nhân vật vào trong đám đông, các nhà văn đã đi sâu phản ánh tình trạng vô cảm của con người trong xã hội hiện đại.

Nhân vật đám đông còn xuất hiện trong tiểu thuyết của các nhà văn nữ với chức năng phong nền mà ở đó các nhân vật chính (phần lớn là những người nhập cư – những người đến từ thế giới thứ ba – những người da vàng) luôn bị tách ra, bị chôi bỏ, đào thải. Nhân vật đám đông đã làm thành một xã hội thu nhỏ mà ở đó, các mối quan hệ đã dần mất đi nhân tố quan trọng nhất có khả năng xuyên chuỗi những yếu tố khác - nhân tố trung tâm. Vì thế, mỗi quan hệ giữa người với người ngày càng trở nên lỏng lẻo, vụn rời, khiến cho các nhân vật càng trở nên lạc lõng, cô đơn.

Không chỉ đặt nhân vật vào giữa đám đông, việc các nhà văn nữ hải ngoại đặt nhân vật trong các mối quan hệ gia đình (quan hệ vợ chồng, quan hệ cha mẹ với con cái) cũng góp phần thể hiện sự cắt nghĩa, lí giải của các nhà văn về con người cô đơn, vô cảm. Điều này được thể hiện trước hết trong *Tiếng người* và *Một mình ở Châu Âu* của Phan Việt.

Đúng như tên gọi của tiểu thuyết, *Tiếng người* và *Một mình ở Châu Âu* của Phan Việt đã thể hiện đậm nét quan niệm về con người cô đơn, hoài nghi. Các nhân vật chính của tiểu thuyết (Duy, M trong *Tiếng người*; Việt trong *Một mình ở Châu Âu*) bị bủa vây trong trạng thái hoang mang, hoài nghi, đờ đẫn. Nhân vật bị “mắc kẹt” giữa những hồ nghi không chỉ đối với những người xung quanh mà còn đối với chính mình. Duy đã từng tin rằng M là duy nhất (“anh biết tất cả công việc, tiền bạc, chức vụ, bạn bè, du lịch, thậm chí cả cha mẹ anh em cộng lại cũng không bằng cái cảm giác biết chắc chắn có một người là M sẽ đi với anh đến cùng trời cuối đất” [21, 47]) nhưng niềm tin ấy mong manh như sương khói bởi chẳng bao lâu sau đó (khi người phụ nữ áo đỏ xuất hiện), M chỉ còn là một thứ “ảo ảnh” giữa cuộc đời anh (“Ngay lúc này, anh có thể nói anh không yêu M. – Anh không yêu em – anh có thể nói thế. Và cảm thấy chính xác như thế. Và anh có thể bỏ ra đi mà không nhớ nhung, tiếc nuối gì cả” [21, 135]).

Không chỉ mất niềm tin vào những người xung quanh, mất niềm tin vào chính mình, tiểu thuyết còn xây dựng hàng loạt những đối thoại thể hiện sự vỡ vụn niềm tin của con người vào Chúa: “Anh bảo có Chúa không? M bất thần hỏi” – “Không” [21, 27]; “Nếu thực sự có Chúa, và Chúa Jesus chết trên thánh giá để rửa tội cho con người, thì chị hết tội rồi, tại sao chị lại phải theo Đạo, mà không chị lại phải xuống địa ngục. Đã bảo chết để đền tội thay rồi mà vẫn còn bắt vào đạo mới được chuộc tội thật; cái lỗi ấy là lỗi phiên dịch và cưỡng ép của nhà thờ, chị chẳng tin Chúa từ tế nào lại ép con người ta như thế” [21, 40].

Cùng với *Tiếng người*, *Một mình ở Châu Âu* của Phan Việt lại một lần nữa nhấn mạnh trạng thái cô đơn của nhân vật ngay trong “tổ ấm” của mình. Chính sự hoài nghi, không tin vào bất cứ một giá trị thiêng liêng nào của Sơn đã bào mòn mối quan hệ vợ chồng giữa Sơn và Việt, đẩy họ vào hai thế giới khác biệt - như hai thái cực rời rạc và rệu rã. Sống giữa gia đình mình,

Việt thấm thía nhận ra rằng: “Tôi hiểu ra rằng cái cô đơn có thể có trong quan hệ với người khác, nhất là với những người mà mình coi là quan trọng nhất trong cuộc đời mình – còn thấm thía hơn nhiều trạng thái một mình” [22, 59].

Cùng với Phan Việt, qua những sáng tác của mình, Thuận cũng xoáy sâu vào trạng thái cô đơn, hoài nghi, vô cảm của con người trong xã hội hiện đại. Cực điểm của sự cô đơn, vô cảm giữa con người với con người được thể hiện trong *T mất tích*. Đó là sự trốn chạy, sự tự biến mất của T khỏi cuộc hôn nhân cam lặng: sáu năm trời chung sống cùng chồng nhưng anh ta không thể nhớ nổi một câu nói của vợ; nguyên tắc sống chung của anh ta là không tâm sự; tên của vợ anh ta chưa một lần đọc đúng... Sáu năm trời, T chủ yếu im lặng, thu mình lại trong ốc đảo cô đơn. Cuối cùng, có lẽ không thể chịu đựng nổi sự cô đơn vô cảm, T đã tự kết án biến mất như một lựa chọn cuối cùng.

Quan niệm về con người vô cảm, cô đơn, hoài nghi ghi nhận ảnh hưởng từ môi trường xã hội phương Tây hiện đại đồng thời phản ánh rõ nét tình trạng sống của những con người xa xứ. Cùng với sáng tác của một số nhà văn trong nước khác như Tạ Duy Anh, Nguyễn Bình Phương, Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Ngọc Tư, Trầm Hương, Bích Ngân ... quan niệm nghệ thuật này đã thể hiện một dự cảm góp phần cảnh báo về tình trạng vong thân của con người trong xã hội hiện đại.

Quan niệm nghệ thuật về con người trên đây đã ít nhiều chi phối đến kỹ thuật tiểu thuyết của các nhà văn nữ hải ngoại. Trên phương diện nghệ thuật xây dựng nhân vật, đề tô đậm con người vô cảm, cô đơn, các nhà văn nữ hải ngoại đã sử dụng các thủ pháp “tẩy trắng”, “mờ hóa” nhân vật (ngoại hình và tính cách của nhân vật dường như bị lược bỏ, đưa nhân vật tiến tới ngưỡng “không – nhân vật” - nhân vật không có tên gọi cụ thể hoặc được kí hiệu hóa bằng những chữ cái ngắn gọn, vô cảm như M, N, K, T...), sử dụng kỹ thuật dòng ý thức nhằm đi sâu miêu tả thế giới tâm lí, tâm linh của nhân vật, nhấn mạnh trạng thái cô đơn, hoang vắng của con người... Trên phương diện cốt truyện, đó là sự gia tăng của hình thức cốt truyện trình thám/ giả trình thám hoặc đặt nhân vật trong chuỗi liên tiếp của hành trình kiếm tìm... Trên phương diện ngôn ngữ, các nhà văn nữ hải ngoại sử dụng khá phổ biến hình thức giản lược đối thoại (được biểu hiện bằng sự xuất hiện với tần số lớn của các cụm từ “im lặng”, “gật đầu”, “lắc đầu”, “không hỏi”, “không nói”, “không trả lời”). Việc sử dụng hình thức giản lược đối thoại đã tô đậm sự tồn tại của con người trong một thế giới không liên kết – một thế giới mà con người tồn tại như những ốc đảo cô đơn, tự thu mình. Im lặng lúc này chính là sự hiện thực hóa nỗi cô đơn, trống trải, không thể đồng cảm, không thể thấu hiểu, không thể chia sẻ giữa con người với con người.

Quan niệm nghệ thuật về con người trong tiểu thuyết của các nhà văn nữ hải ngoại thể hiện sự ảnh hưởng từ nhiều yếu tố: môi trường sống, môi trường học thuật phương Tây, bầu dưỡng chất văn hóa... nhưng quan trọng hơn cả có lẽ là những ảnh hưởng từ sáng tác của các tác giả văn học hiện sinh (như Franz Kafka, Albert Camus, Jean- Paul Sartre) và năng lượng tha nhân trong con người xa xứ. Sự ảnh hưởng từ những yếu tố trên đã để lại một cảm quan mới trong trong sự lí giải, cắt nghĩa của các nhà văn nữ về con người.

3. Kết luận

Quan niệm về con người của các nhà văn nữ hải ngoại đã thể hiện rõ sự chuyển hướng sáng tạo hướng về con người cá nhân phức tạp, đa diện trong những bước thăng trầm của số phận. Trong xã hội hiện đại, con người đang dần bị cắt mất lịch sử, cắt mất mối quan hệ, trở nên cô đơn, lạc lõng, hoài nghi, luôn băn khoăn, trăn trở, suy tư về những câu hỏi liên quan đến bản thể con người. Chính trong hành trình ấy, nhiều tọa độ mới của con người lại tiếp tục được mở ra, chưa khi nào hoàn kết. Quan niệm như thế về con người đã thể hiện rõ những đặc trưng của tư duy tiểu thuyết mang hơi hướng hậu hiện đại. Nó đã đào sâu vào các phương diện khác nhau của con người trong dòng xoáy của cuộc đời, vẽ ra cả những nét mờ lẫn nét đòi chân thực trong những vùng khuất lấp của con người.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Đình Sử, 1999. *Dẫn luận thi pháp học*. Nxb Giáo dục.
- [2] Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi, 2009. *Từ điển thuật ngữ văn học*. Nxb Giáo dục.
- [3] Nhiều tác giả, 2010. *Về con người cá nhân trong văn học cổ Việt Nam*. Nxb Giáo dục.
- [4] Trần Đình Sử, 2005. *Thi pháp văn học trung đại Việt Nam*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Thành Đức Bảo Thắng, 2017. “Sự tương đồng trong quan niệm nghệ thuật về con người giữa khuynh hướng văn xuôi lãng mạn và văn xuôi hiện thực 1930 – 1945”. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học toàn quốc Nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn trong bối cảnh đổi mới và hội nhập*. Nxb Khoa học Xã hội.
- [6] Phùng Ngọc Kiếm, 2000. *Con người trong truyện ngắn Việt Nam 1945 – 1975*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [7] Nguyễn Thị Kim Tiến, 2012. *Con người trong tiểu thuyết Việt Nam thời kỳ đổi mới*. Luận án Tiến sĩ Văn học. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [8] Thái Phan Vàng Anh, 2022. “Giá trị nhân văn mới – nhìn từ quan niệm nghệ thuật về con người trong tiểu thuyết Việt Nam đầu thế kỷ XXI”, <https://vannghehainguyen.vn>.
- [9] Trần Thị Minh Hương, 2015. *Sự thay đổi quan niệm về con người qua hình tượng người lính trong một số tiểu thuyết Việt Nam đầu thời kỳ đổi mới*. Luận văn thạc sĩ Văn học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [10] Lê Thị Dục Tú, 1994. *Quan niệm nghệ thuật về con người trong tiểu thuyết của Tự lực văn đoàn qua ba tác giả Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo*. Luận án Tiến sĩ Khoa học Ngữ văn. Viện Văn học.
- [11] Hoàng Cẩm Giang, 2015. *Tiểu thuyết Việt Nam đầu thế kỷ XXI cấu trúc và khuynh hướng*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [12] Nguyễn Tiến Dũng, 2006. *Chủ nghĩa hiện sinh – lịch sử, sự hiện diện ở Việt Nam*. Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
- [13] Lưu Hà, 2007. “Nhà văn Đoàn Minh Phượng: Tôi viết khá lạnh”. <http://giaitri.vnexpress.net>.
- [14] Lê Minh Hà, 2005. *Gió tự thời khuấy mặt*. Nxb Hội Nhà văn.
- [15] Đoàn Minh Phượng, 2006. *Và khi tro bụi*. Nxb Trẻ.
- [16] Đoàn Minh Phượng, 2008. *Mưa ở kiếp sau*. Nxb Văn học.
- [17] Thuận, 2015. *Chỉ còn 4 ngày là hết tháng Tư*. Nxb Hội Nhà Văn và Công ty Văn hóa và Truyền thông Nhã Nam
- [18] Lê Tú Anh, 2013. “Những cách tân nghệ thuật trong tiểu thuyết của Đoàn Minh Phượng”. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Vol 58, No.2*, tr. 57 – 63.
- [19] Đoàn Minh Phượng, 2007. “Chúng ta luôn luôn đi tìm những câu chuyện”, <http://tuoitre.vn>.
- [20] Yên Anh, 2009. “Nhà văn Thuận: Tôi không lôi kéo độc giả bằng chuyện đời tư”, <http://nld.com.vn>.
- [21] Phan Việt, 2008. *Tiếng người*. Nxb Trẻ.
- [22] Phan Việt, 2013. *Một mình ở Châu Âu*. Nxb Trẻ.

ABSTRACT

Conception about human in modern Vietnamese novels by some overseas female writers

Vũ Thị Hạnh

Faculty of Journalism and Communication, Thai Nguyen University of Sciences

The concept of art is the perception of the world, human and art, which reflects the intellectual levels with the innovations and originality in creative aesthetics of writers. Using poetic method to research artistic conception about human in modern Vietnamese novels by some female writers, the author concentrates on the innovations of female writers about: personalist person, lonely and incredulous person. They are new perceptions about human, reflect the important change in creative aesthetics of writers.

Keywords: artistic conception, novel, personalist person, Existentialism, female writer.